

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (“Công ty”) trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV - Vietnam Partners là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động ban đầu số 01/GP-QLĐT ngày 06 tháng 01 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/GP- UBCK ngày 03 tháng 07 năm 2019 (cấp lại do thay đổi loại hình công ty) và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 52/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 06 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất của Công ty số 0101897033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các cổ đông của Công ty bao gồm: bà Trần Thị Hồng Liên nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty, ông Nguyễn Thái Hà nắm giữ 48% và ông Nguyễn Ngọc Nghị nắm giữ 3%.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- ▶ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tên tiếng Anh: BVIM FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý một quỹ là Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM (BVIMGIF).

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2022
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2022
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thái Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2024
Ông Trần Thứ Khiêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và vào ngày lập báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Thái Hà, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

10/01/2025
BVIM
CH

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

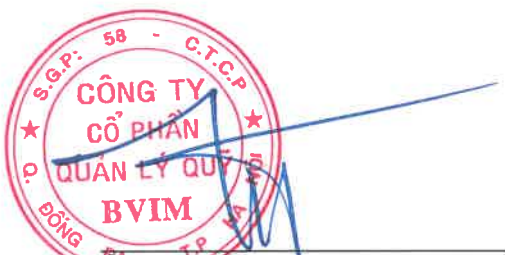
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12125389/E-69353111

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (“Công ty”) được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

006
CƠ
T
: NSI
VIỆ
VH PH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.680.361.788	48.747.239.134
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	456.502.798	566.163.065
111	1. Tiền		456.502.798	566.163.065
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	47.676.900.000	41.498.280.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		47.676.900.000	41.498.280.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.546.958.990	6.676.729.405
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	6.818.060.888	8.915.148.621
135	2. Các khoản phải thu khác	8	697.343.754	490.542.113
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(968.445.652)	(2.728.961.329)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	6.066.664
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	6.066.664
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		-	-
220	I. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	-	-
222	Nguyên giá		239.440.124	239.440.124
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(239.440.124)	(239.440.124)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		54.680.361.788	48.747.239.134
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.440.769.568	502.821.598
310	I. Nợ ngắn hạn		1.440.769.568	502.821.598
312	1. Phải trả người bán		97.200.000	97.200.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.131.582.068	405.621.598
315	3. Phải trả người lao động		211.987.500	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	11	53.239.592.220	48.244.417.536
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.629.746.331	1.629.746.331
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.629.746.331	1.629.746.331
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.980.099.558	19.984.924.874
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		54.680.361.788	48.747.239.134

1802
G TY
JHH
& YO
INA
3 HO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

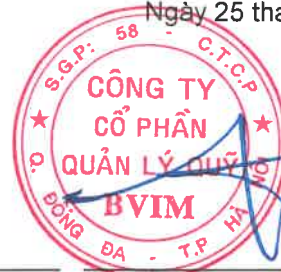
Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
005	1. Ngoại tệ các loại USD		229.900,00	229.900,00
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	12	245.646.343	-
031	2.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		245.646.343	-
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	13	113.125.500.000	-
041	3.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		113.125.500.000	-
051	4. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	14	90.379.391	-

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
 Người lập

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
 Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Thái Hà
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	15	5.855.548.504	4.410.654.650
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		5.855.548.504	4.410.654.650
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	(1.348.024.164)	(266.666.676)
20	4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		4.507.524.340	4.143.987.974
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	2.376.463.826	2.080.094.589
22	6. Chi phí tài chính		-	(3.160)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(819.174.980)	(4.675.368.315)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.064.813.186	1.548.711.088
31	9. Thu nhập khác		-	-
32	10. Chi phí khác		-	(64.341.566)
40	11. Lỗ khác		-	(64.341.566)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.064.813.186	1.484.369.522
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(1.069.638.502)	(332.199.388)
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.995.174.684	1.152.170.134

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Người lập

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		7.952.636.237	-
03	Tiền chi trả cho người lao động		(1.464.799.649)	(1.571.140.000)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(332.199.388)	(166.263.704)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.000.000	2.892
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.266.339.652)	(1.702.751.804)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		3.899.297.548	(3.440.152.616)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.000.000.000)	-
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		1.990.340.185	1.800.339.191
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(4.009.659.815)	1.800.339.191
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(110.362.267)	(1.639.813.425)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	566.163.065	2.204.752.341
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		702.000	1.224.149
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	456.502.798	566.163.065

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2026

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Người lập

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

B05-CTQ

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(Giảm)						Số dư cuối năm	
		01/01/2024	01/01/2025	Năm trước		Năm nay		31/12/2024	31/12/2025		
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000		
2. Quỹ dự phòng tài chính	11	1.629.746.331	1.629.746.331	-	-	-	-	1.629.746.331	1.629.746.331		
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11	1.629.746.331	1.629.746.331	-	-	-	-	1.629.746.331	1.629.746.331		
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11	18.832.754.740	19.984.924.874	1.152.170.134	-	4.995.174.684	-	19.984.924.874	24.980.099.558		
TỔNG CỘNG		47.092.247.402	48.244.417.536	1.152.170.134	-	4.995.174.684	-	48.244.417.536	53.239.592.220		

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2026



Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Người lập

Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (“Công ty”) trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV - Vietnam Partners là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động ban đầu số 01/GP-QLĐT ngày 06 tháng 01 năm 2006 do Bộ Tài chính cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/GP- UBCK ngày 03 tháng 07 năm 2019 (cấp lại do thay đổi loại hình công ty) và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 52/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 06 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất của Công ty số 0101897033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 23 tháng 11 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các cổ đông của Công ty bao gồm: bà Trần Thị Hồng Liên nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty, ông Nguyễn Thái Hà nắm giữ 48% và ông Nguyễn Ngọc Nghị nắm giữ 3%.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- ▶ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- ▶ Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10 người (31 tháng 12 năm 2024: 9 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang quản lý một quỹ là Quỹ đầu tư tăng trưởng BVIM (BVIMGIF).

Công ty có tám (08) nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và chứng chỉ hành nghề khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Ông Nguyễn Thái Hà	00313	17/06/2009	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tiến	00089	16/02/2009	Chuyên viên đầu tư
Bà Vũ Thị Thùy Dương	001133	29/08/2014	Chuyên viên đầu tư
Ông Chu Hoàng Nam	001587	25/07/2017	Chuyên viên đầu tư
Bà Đỗ Thị Thanh Thúy	001746	16/01/2019	Chuyên viên đầu tư
Bà Lê Thị Mỹ Châu	001140	01/10/2014	Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ
Ông Phùng Viết Bình	001453	03/08/2016	Người điều hành Quỹ Đầu tư Tăng trưởng BVIM
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	001025	07/01/2013	Người điều hành Quỹ Đầu tư Tăng trưởng BVIM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong khoản mục "*Tiền và các khoản tương đương tiền*". Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của Công ty.

Tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục ủy thác đầu tư và phí thường hoạt động được tính toán theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư trên cơ sở dồn tích.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

4.15 *Các khoản bảo hiểm bắt buộc (BHXH, BHYT, BHTN)*

Công ty và người lao động có trách nhiệm tham gia các quỹ bảo hiểm bắt buộc theo quy định pháp luật (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp). Khoản đóng góp của Công ty được tính trên tiền lương và các khoản thu nhập làm căn cứ đóng theo hợp đồng lao động, với tỷ lệ do pháp luật hiện hành quy định, và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh. Ngoài các khoản đóng bắt buộc theo luật, Công ty không có thêm nghĩa vụ tài chính nào khác đối với người lao động.

B09-CTQ
 TỶ
 H
 YOI
 NA
 IOC
 T.C.
 Y
 R

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.17 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số dư bằng không.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền	456.502.798	566.163.065
Tiền gửi Ngân hàng	456.502.798	566.163.065
Tổng cộng	456.502.798	566.163.065

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiết danh mục tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngắn hạn (*)		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	47.676.900.000	41.498.280.000
Tổng cộng	47.676.900.000	41.498.280.000

(*) Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền có kỳ hạn bằng Đô la Mỹ hưởng lãi suất năm là 0% (31 tháng 12 năm 2024: 0%) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam hưởng lãi suất năm từ 5,70% đến 6,60% (31 tháng 12 năm 2024: từ 5,30% đến 5,60%).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu hoạt động quản lý quỹ thành viên (i)	6.778.567.737	8.915.148.621
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	39.493.151	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(968.445.652)	(2.728.961.329)
Tổng cộng	5.849.615.236	6.186.187.292

(i) Quy định tại Điều lệ Quỹ của quỹ thành viên được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý trên giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày định giá với tỷ lệ như sau:

Quỹ được quản lý	Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng BVIM (BVIMGIF)	1,50%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

(ii) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý theo tỷ lệ tính trên giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác được quy định trên hợp đồng quản lý danh mục đầu tư.

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ trong năm 2025 như sau:

	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND
Phải thu phí quản lý quỹ	2.728.961.329	1.492.618.407	(3.253.134.084)	968.445.652
Tổng cộng	2.728.961.329	1.492.618.407	(3.253.134.084)	968.445.652

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ trong năm 2024 như sau:

	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND
Phải thu phí quản lý quỹ	568.060.591	2.160.900.738	-	2.728.961.329
Tổng cộng	568.060.591	2.160.900.738	-	2.728.961.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>31/12/2025</i> VND	<i>31/12/2024</i> VND
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	603.511.779	396.710.138
Đặt cọc thuê nhà	93.831.975	93.831.975
Tổng cộng	697.343.754	490.542.113

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Thiết bị văn phòng</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	239.440.124	239.440.124
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	239.440.124	239.440.124
Hao mòn lũy kế		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	239.440.124	239.440.124
Khấu hao trong năm	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	239.440.124	239.440.124
Giá trị còn lại		
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	-
Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:		
	<i>31/12/2025</i> VND	<i>31/12/2024</i> VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	239.440.124	239.440.124



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.069.638.502	332.199.388
Thuế thu nhập cá nhân	61.943.566	73.422.210
Tổng cộng	1.131.582.068	405.621.598

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.199.388	1.069.638.502	(332.199.388)	1.069.638.502
Thuế thu nhập cá nhân	73.422.210	180.025.796	(191.504.440)	61.943.566
Tổng cộng	405.621.598	1.249.664.298	(523.703.828)	1.131.582.068

Biến động thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.263.704	332.199.388	(166.263.704)	332.199.388
Thuế thu nhập cá nhân	73.255.552	185.459.996	(185.293.338)	73.422.210
Tổng cộng	239.519.256	517.659.384	(351.557.042)	405.621.598

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BVIM
 CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ BVIM

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

	Vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	25.000.000.000	18.832.754.740	1.629.746.331	1.629.746.331	47.092.247.402
Lợi nhuận sau thuế	-	1.152.170.134	-	-	1.152.170.134
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	25.000.000.000	19.984.924.874	1.629.746.331	1.629.746.331	48.244.417.536
Lợi nhuận sau thuế	-	4.995.174.684	-	-	4.995.174.684
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	25.000.000.000	24.980.099.558	1.629.746.331	1.629.746.331	53.239.592.220

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Bà Trần Thị Hồng Liên	12.250.000.000	49,00%	12.250.000.000	49,00%
Ông Nguyễn Thái Hà	12.000.000.000	48,00%	12.000.000.000	48,00%
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	750.000.000	3,00%	750.000.000	3,00%
Tổng cộng	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	118.057.094.747	-
Số giảm trong năm	(117.811.448.404)	-
Số dư cuối năm	245.646.343	-

Trong đó:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	42.957.045.432	-
Số giảm trong năm	(42.713.750.835)	-
Số dư cuối năm	243.294.597	-

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	75.100.049.315	-
Số giảm trong năm	(75.097.697.569)	-
Số dư cuối năm	2.351.746	-

13. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	113.125.500.000	-
Cổ phiếu	113.125.500.000	-
- Cổ phiếu niêm yết	38.125.500.000	-
Trong đó các mã cổ phiếu bị giảm giá:	38.125.500.000	-
HPG	13.200.000.000	-
VPB	24.925.500.000	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	75.000.000.000	-
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	113.125.500.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	39.493.151	-
Phải trả phí lưu ký	50.786.240	-
Phải trả phí xử lý hồ sơ mua bán chứng khoán	100.000	-
Tổng cộng	90.379.391	-

15. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu từ phí quản lý quỹ	5.676.370.421	4.410.654.650
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	179.178.083	-
Tổng cộng	5.855.548.504	4.410.654.650

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên đầu tư	319.524.164	266.666.676
Các chi phí khác	1.028.500.000	-
Tổng cộng	1.348.024.164	266.666.676

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	712.789	731.793
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.196.429.037	1.801.045.755
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.892
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	179.322.000	278.314.149
Tổng cộng	2.376.463.826	2.080.094.589

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.882.137.950	1.796.863.263
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.066.664	12.133.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.482.507	216.967.442
Chi phí thuê văn phòng	433.503.536	433.503.536
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	44.500.000	52.000.000
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(1.760.515.677)	2.160.900.738
Tổng cộng	819.174.980	4.675.368.315



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty cho năm 2025 là 17% thu nhập chịu thuế (năm 2024: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.064.813.186	1.484.369.522
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(179.322.000)	(278.314.149)
Chi phí không được khấu trừ thuế	44.500.000	116.341.566
Thù lao Ban Kiểm soát và thành viên HĐQT không chuyên trách	362.000.000	338.600.000
Lợi nhuận tính thuế	6.291.991.186	1.660.996.939
Thuế suất thuế TNDN	17%	20%
Chi phí thuế TNDN	1.069.638.502	332.199.388

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>31/12/2025</i>	<i>31/12/2024</i>
Quý đầu tư tăng trưởng BVIM (BVIMGIF)	Quý được quản lý	Phải thu phí quản lý	6.778.567.737	8.915.148.621

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm 2025</i>	<i>Năm 2024</i>
Quý đầu tư tăng trưởng BVIM (BVIMGIF)	Quý được quản lý	Phí quản lý quỹ	5.676.370.421	4.410.654.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm chi tiết như sau:

	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm 2025 VND</i>	<i>Năm 2024 VND</i>
Thu nhập của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và BKS			
Ông Đỗ Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	152.400.000	144.000.000
Ông Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	125.600.000	96.000.000
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT	101.600.000	96.000.000
Ông Ngô Hồng Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	37.200.000
Ông Trần Tiến Đức	Trưởng Ban Kiểm Soát (Miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 04 năm 2024)	-	5.000.000
Ông Trần Thứ Khiêm	Thành viên BKS	24.000.000	32.400.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Tổng cộng		487.600.000	434.600.000

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>31/12/2025 VND</i>	<i>31/12/2024 VND</i>
- Dưới 1 năm	325.127.652	325.127.652
Tổng cộng	325.127.652	325.127.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH MỘT SỐ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của Công ty như sau:

	<i>Năm nay/ Số cuối năm</i>	<i>Năm trước/ Số cuối năm</i>
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,00%	0,00%
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	100,00%	100,00%
2. Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	60,68%	17,75%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đã góp	19,98%	4,61%
3. Tình hình tài chính		
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	2,63%	1,03%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	3.340,81%	8.365,68%
Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định/Tổng vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty có rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro tín dụng khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và các khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Trong đó:

- ▶ ***Chưa quá hạn và không suy giảm giá trị:*** Các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- ▶ ***Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị:*** Tài sản tài chính với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Công ty tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- ▶ ***Bị suy giảm giá trị:*** Các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Công ty cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Đã quá hạn nhưng chưa bị suy giảm giá trị			Đã quá hạn và suy giảm giá trị		
	Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 6 tháng VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 6 tháng VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	456.502.798	-	-	-	-	456.502.798
Các khoản đầu tư tài chính	48.280.411.779	-	-	-	-	48.280.411.779
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	48.280.411.779	-	-	-	-	48.280.411.779
Các tài sản khác	698.177.527	1.647.914.375	1.585.565.802	2.980.235.159	2.980.235.159	6.911.892.863
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	93.831.975	-	-	-	-	93.831.975
- Phải thu phí quản lý quỹ	564.852.401	1.647.914.375	1.585.565.802	2.980.235.159	2.980.235.159	6.778.567.737
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác	39.493.151	-	-	-	-	39.493.151
TỔNG CỘNG	49.435.092.104	1.647.914.375	1.585.565.802	2.980.235.159	2.980.235.159	55.648.807.440
Ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	566.163.065	-	-	-	-	566.163.065
Các khoản đầu tư tài chính	41.894.990.138	-	-	-	-	41.894.990.138
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	41.894.990.138	-	-	-	-	41.894.990.138
Các tài sản khác	464.745.809	1.091.619.217	1.107.896.257	6.344.719.313	6.344.719.313	9.008.980.596
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	93.831.975	-	-	-	-	93.831.975
- Phải thu phí quản lý quỹ	370.913.834	1.091.619.217	1.107.896.257	6.344.719.313	6.344.719.313	8.915.148.621
TỔNG CỘNG	42.925.899.012	1.091.619.217	1.107.896.257	6.344.719.313	6.344.719.313	51.470.133.799

(*) Bao gồm dự thu hợp đồng tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 - 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Phải trả người bán	-	97.200.000	-	97.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.131.582.068	-	1.131.582.068
Phải trả người lao động	-	211.987.500	-	211.987.500
TỔNG CỘNG	-	1.440.769.568	-	1.440.769.568
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả người bán	-	97.200.000	-	97.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	405.621.598	-	405.621.598
TỔNG CỘNG	-	502.821.598	-	502.821.598

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch tiền gửi ngắn hạn, thanh toán chi phí và nhận nợ phải trả bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (USD quy đổi)	23.490.000	22.788.000
Các khoản đầu tư tài chính (USD quy đổi)	5.976.900.000	5.798.280.000
TỔNG CỘNG	6.000.390.000	5.821.068.000

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	+1%	60.003.900
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	-1%	(60.003.900)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	+1%	58.210.680
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-1%	(58.210.680)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì các hợp đồng tiền gửi trong năm có lãi suất cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị: VND
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
Tài sản tài chính					
Đầu tư kỳ hạn cố định	48.280.411.779	-	41.894.990.138	-	48.280.411.779
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	48.280.411.779	-	41.894.990.138	-	48.280.411.779
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.818.060.888	(968.445.652)	8.915.148.621	(2.728.961.329)	5.849.615.236
- Phải thu phí quản lý quỹ	6.778.567.737	(968.445.652)	8.915.148.621	(2.728.961.329)	5.810.122.085
- Phải thu phí quản lý danh mục ủy thác	39.493.151	-	-	-	39.493.151
Phải thu khác	93.831.975	-	93.831.975	-	93.831.975
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	93.831.975	-	93.831.975	-	93.831.975
Tiền và các khoản tương đương tiền	456.502.798	-	566.163.065	-	456.502.798
TỔNG CỘNG	55.648.807.440	(968.445.652)	51.470.133.799	(2.728.961.329)	54.680.361.788

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		
	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2024	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	97.200.000	-	97.200.000	-	97.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.131.582.068	-	1.131.582.068	-	1.131.582.068
Phải trả người lao động	211.987.500	-	211.987.500	-	211.987.500
TỔNG CỘNG	1.440.769.568	-	502.821.598	-	1.440.769.568

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- ▶ Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2026


Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Người lập


Bà Nguyễn Thị Minh Quý
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Thái Hà
Tổng Giám đốc



